TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2025/DS - PT
Ngày: 24/12/2025
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm
Các thẩm phán: Bà Trần Thị Nga
Ông Đào Anh Đức
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Vân Anh - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên toà:*
Bà Lữ Thị Phương Q - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá có kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn O.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2025/QĐ-PT ngày tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Văn O - sinh năm 1959
Địa chỉ: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình. (Địa chỉ trước khi sáp nhập: Xóm A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình). (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Chu Văn K - sinh năm 1974
Bà Bùi Thị H - sinh năm 1977.
Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa. (Địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa). (Có mặt ông K).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị C - sinh năm 1959.
Địa chỉ: Xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình. (Địa chỉ trước khi sáp nhập: Xóm A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình). (Có mặt)

2. Ông Mai Văn H1.
Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa. (Địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa). (Vắng mặt)

3. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa và Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là: Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn Q1 - Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có quan điểm trình bày như sau:

Năm 2016, gia đình ông trúng đấu giá một lô đất số 24, diện tích 100m^2, chiều rộng 5m, chiều dài 20m, cách mép đường Quốc lộ 10 là 20m lưu không, trị giá 265.000.000đ và đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn O ngày 27/4/2017 tại thửa số 167, tờ bản đồ số 02, khu dân cư phía Tây cầu Đ, trên trục đường Q thuộc xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và đã được UBND huyện N giao đất. Cùng trúng đấu giá quyền sử dụng đất thời điểm đó là gia đình bà Bùi Thị H, ông Chu Văn K (lô số 25) liền kề, cùng diện tích và đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã giao đất. Không biết bà H, ông K được giao đất như thế nào mà bà H, ông K đã tự ý san lấp làm bãi kinh doanh vật liệu xây dựng lấn chiếm trên phần đất nhà ông khoảng 50m^2. Ông đã nhiều lần gặp vợ chồng bà H, ông K đề nghị thu dọn trả lại mặt bằng cho ông nhưng bà H, ông K cho rằng "Phòng Tài nguyên và môi trường - UBND huyện N giao đất cho gia đình ông bà như vậy, ông K, bà H không lấn chiếm đất của gia đình ông". Ông đã nhiều lần làm đơn lên UBND xã N và UBND huyện N đề nghị giải quyết nhưng không giải quyết được. Do vậy, nay ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà H, ông K phải trả lại diện tích đất lấn chiếm cho gia đình ông.

2. Theo bị đơn bà Bùi Thị H và ông Chu Văn K trình bày:

Năm 2016, UBND huyện N và UBND xã N có chủ trương bán đấu giá một số lô đất khu dân cư phía Tây cầu Đ thuộc xóm A, xã N, huyện N. Gia đình ông bà có đăng ký và trúng đấu giá 05 lô đất (gồm các lô số 25, 26, 27, 28, 29), lô số 25 và 26 mang tên bà Bùi Thị H, lô số 27, 28, 29 mang tên ông Chu Văn K và đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 02 năm 2017 gia đình có nhu cầu sử dụng đất nên đã được UBND huyện N và UBND xã N thành lập đoàn xuống đo đạc, giao đất bằng các mốc giới như hiện nay gia đình đang sử dụng. Sau khi được giao đất gia đình ông bà đã san lấp, xây dựng công trình nhà và bãi tập kết vật liệu xây dựng, trong suốt thời gian trên không có ai khiếu kiện, tranh chấp và kể cả chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì. Không hiểu tại sao năm 2019, Phòng Tài nguyên, môi trường và UBND xã N bàn giao đất lại cho các hộ từ lô số 25 đến lô số 12 mà không có mặt gia đình ông bà. Sau khi giao lại đất thì ông Trần Văn O (lô số 24) có sang cho ông bà biết là đất của ông O đã chồng lấn lên đất (lô số 25) của bà H, ngay hôm đó bà H đã xuống gặp ông Phạm Văn T - Chủ tịch UBND và ông Mai Văn H2 - Cán bộ địa chính xã N đề nghị làm rõ thì được ông T trả lời "Xã không có quyền xác minh mô mốc, Phòng Tài nguyên và môi trường chia mô mốc cho gia đình chị đến đâu thì gia đình cứ đó mà sử dụng". Vì được sự giải thích trên gia đình ông bà yên tâm về sử dụng trên diện tích đất theo các mốc giới được giao.

Nay ông Trần Văn O khởi kiện ông bà lấn chiếm đất. Ông bà đề nghị các cấp có thẩm quyền kiểm tra, đo đạc lại diện tích các lô đất bàn giao lại mốc giới cụ thể, rõ ràng cho gia đình ông bà và gia đình ông Trần Văn O.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1 Bà Phạm Thị C ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án cho ông Trần Văn O (là chồng) nên không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

3.2 Ủy ban nhân dân xã N (ông Đinh Văn V - Phó Chủ tịch UBND xã) cho biết: Thực hiện Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện N về việc "Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở đợt 2 năm 2013, đất ở năm 2014" xã N. Phòng TN&MT - UBND huyện N phối hợp với UBND xã Nga Phú giao đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ khu dân cư phía Tây cầu Đ thuộc xóm A, xã N. Sau khi giao đất một số hộ dân không đồng ý nhận đất, có đơn gửi về UBND xã N và Phòng TN&MT. Phòng TN&MT cùng với UBND xã N đã mời các hộ dân trúng đấu giá đất ra giao lại mốc giới. Đến ngày 03/9/2019, UBND xã N đã nhận được đơn của ông Trần Văn O đề nghị UBND xã N giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình ông và gia đình bà H, ông K. UBND xã N đã tổ chức hòa giải 03 lần nhưng không thành. Do vậy, UBND xã N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3.3 Ủy ban nhân dân huyện N (ông Mai Văn P, Trưởng Phòng T2) cho biết: Theo thẩm quyền thì Phòng TN&MT - UBND huyện N đã bàn giao đất cho các hộ gia đình trúng đấu giá tại khu đất phía T cầu Đ thuộc xóm A, xã N, huyện N là đúng quy trình, đúng Sơ đồ mặt bằng quy hoạch chi tiết và đúng quy định của pháp luật. Do hộ bà H, ông K có nhu cầu sử dụng đất nên Phòng TN&MT đã tổ chức bàn giao đất cho gia đình bà H, ông K trước. Phòng TN&MT tổ chức giao đất đợt 2 cho các hộ trúng đấu giá còn lại thì có một số hộ gia đình khiếu nại về việc giao đất chồng lấn, nên không nhận đất, UBND xã N đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do vậy, tranh chấp đất giữa hộ ông Trần Văn O và hộ bà H, ông K thì quan điểm của UBND huyện N đề nghị các bên thương lượng, hòa giải. Nếu các bên không thống nhất được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá đã Quyết định**:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 và điểm b khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án: Giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn O, Địa chỉ: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* Ông Chu Văn K và Bà Bùi Thị H. Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị C. Địa chỉ: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình.

+ Ông Mai Văn H1. Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa và Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ là: Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo pháp luật: ông Mai Văn Q1 – Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H3 – Phó chủ tịch UBND xã N, tỉnh Thanh Hóa.

2.Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho ông Trần Văn O.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2025 nguyên đơn ông Trần Văn O làm đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét và giải quyết lại vụ án để gia đình ông ổn định cuộc sống.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự, tại cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn O. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của là Toà án nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá.

- Về án phí phúc thẩm*:* Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; NQ 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án để xem xét và quyết định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn O khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ Thôn N, xã N, tỉnh Thanh Hóa, nên đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại theo quy định tại khoản 9 Điều 26 BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông O có đơn kháng cáo trong hạn, các đương sự không thỏa thuận, hòa giải được với nhau nội dung tranh chấp, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, nội dung đơn kháng cáo, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn O:

2.1. Về phần diện tích đất tranh chấp:

Đối với gia đình ông O: Năm 2016, sau khi gia đình ông Trần Văn O trúng đấu giá một lô đất số 24, diện tích 100m^2, chiều rộng 5m, chiều dài 20m, cách mép đường Quốc lộ 10 là 20m lưu không. Ngày 27/4/2017 được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn O tại thửa số 167, tờ bản đồ số 02, khu dân cư phía Tây cầu Đ, trên trục đường Q thuộc xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa).

Đối với Gia đình bà Bùi Thị H và ông Chu Văn K cũng trúng đấu giá 05 lô đất (gồm các lô số 25, 26, 27, 28, 29).

Gia đình bà H, ông K được UBND huyện N giao đất vào khoảng tháng 2 năm 2017, sau đó ông K, bà H đã xây dựng nhà ở, cửa hàng để kinh doanh vật liệu xây dựng ổn định từ đó cho đến đầu năm 2019. Còn đối với gia đình ông O và các gia đình khác được UBND huyện N giao đất vào đầu năm 2019. Khi giao đất cho ông O không có sự tham gia ông K, bà H để xác định mốc giới liền kề giữa lô đất số 24 và lô đất số 25. Sau khi nhận đất được một thời gian ông O cho rằng ông K và bà H đã lấn chiếm sang phần đất nhà ông khoảng 50m^2. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà H, ông K phải trả lại diện tích đất lấn chiếm trên cho gia đình ông.

2.2. Về các nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2025

* Đối với diện tích đất từ lô số 20 đến lô số 23 của gia đình ông Mai Văn H1:

- Phía Đông giáp đường Q, gồm các đường phân khúc là 11.42m; 8.57m. Phía Tây giáp sông H gồm các đường phân khúc là 5.27m; 5m; 5m; 5m. Phía Nam giáp đất nhà ông O là 20m. Phía Bắc giáp đất nhà ông Lê Văn T1 là 20m. Tổng diện tích: 384.4m^2.

* Đối với diện tích đất lô số 24 của gia đìn ông Trần Văn O:

- Phía Đông giáp đường Quốc lộ 10 là 2.08m. Phía Tây giáp sông H gồm các đường phân khúc là 4.72m; 0.86m. Phía Nam giáp đất nhà ông K gồm các đường phân khúc là 8.45m; 11.23m; 1.25m; 1.94m. Phía Bắc giáp đất nhà ông Mai Văn H1 là 20m. Tổng diện tích: 102.3m^2.

* Đối với diện tích đất các lô số 25, 26, 27, 28, 29 của gia đình ông Chu Văn K và bà Bùi Thị H:

- Phía Đông giáp đường Q gồm các đường phân khúc là 4.25m; 16.88m; 10m; 1.58m. Phía Tây giáp sông H gồm các đường phân khúc là 8m; 8m; 8m; 5m; 5m; 3.57m. Phía Nam giáp lô đất số 30 là 20m. Phía Bắc giáp đất đất nhà ông O gồm các đường phân khúc: 1.25m; 1.94m; 8.45m; 11.23m. Tổng diện tích: 641m^2.

Từ những nội dung xem xét, thẩm định nêu trên, xét thấy sau khi các hộ dân trúng đấu giá và thực hiện xong nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, thì nhà

nước phải có nghĩa vụ giao đất và tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng việc giao đất không thực hiện đồng loạt một lần, mà giao đất thành nhiều lần, nên đã xảy ra việc giao đất chồng lấn giữa lô đất này sang lô đất khác. Cụ thể: Lần thứ nhất vào tháng 2 năm 2017 gia đình ông K và bà H được UBND huyện N và UBND xã N giao đất và cắm mộc giới để ông bà sử dụng từ lô số 25 đến lô số 29. Gia đình ông O trúng đấu giá lô số 24 và được nhà nước giao đất vào đầu năm 2019. Khi thực hiện việc giao đất cho ông O, UBND huyện N và UBND xã N có lập biên bản, nhưng không có sự chứng kiến của gia đình ông K và bà H có thửa đất liền kề, mà chỉ căn cứ sơ đồ mặt bằng để giao đất cho ông O, do đó ranh giới đất giữa lô số 24 của gia đình ông O và lô số 25 của gia đình ông K, bà H không xác định được cụ thể, nên đã xảy ra tranh chấp. Đây là thiếu sót của cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành giao đất cho gia đình ông O; tuy nhiên khi tiến hành giao đất gia đình ông O không có ý kiến thắc mắc gì.

Mặt khác, theo sơ đồ mặt bằng quy hoạch thì tính từ mép đường Quốc Lộ 10 vào đến các lô đất là 20m lưu không. Do điểm tiếp giáp giữa các lô đất đang tranh chấp với đoạn đường này là hình cánh cung. Từ năm 2017 đến nay nhà nước đã nhiều lần tu sửa, nâng cấp mở rộng mặt đường, không còn nguyên hiện trạng ban đầu, nên không thể xác định chính xác được điểm mốc để tính khoảng cách từ mép đường Quốc Lộ 10 đến điểm tiếp giáp các thửa đất là 20m. Ngoài ra, bên cạnh lô đất số 29 của gia đình ông K và bà H còn tiếp giáp với lô đất số 30 của một gia đình khác hiện nay lô đất số 30 này đang để trống, chưa sử dụng, nên cũng không thể xác định lô đất số 29 của gia đình ông K và lô đất số 30 có bị chồng lấn hay không.

Quá trình giải quyết vụ án UBND huyện N đã cung cấp cho Tòa án các biên bản giao đất cho các hộ gia đình nhưng các biên bản này đã bị tẩy, sửa và cùng một thời điểm là ngày 10/4/2019, mặc dù ông K và bà H được giao đất từ năm 2017, ông O được giao đất năm 2019, nên Toà án cấp sơ thẩm xác định các tài liệu này không có giá trị xem xét làm căn cứ để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Việc UBND huyện N khi giao đất cho ông O không yêu cầu ông K, bà H có thửa đất liền kề có mặt để bàn giao mốc giới cho hai gia đình là chưa đảm bảo về mặt thủ thục giao đất.

Tai kết quả xem xét, thẩm định tại chổ nêu trên, diện tích đất của gia đình ông O và gia đình ông K, bà H đều có thừa so với diện tích đất được giao. Tuy nhiên chiều rộng giáp đường Quốc lộ 10 của gia đình ông O còn thiếu. Nhưng không có đủ cơ sở để xem xét gia đình ông Chu Văn K, bà Bùi Thị H có lấn sang đất của gia đình ông O hay không. Mà đây là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai về việc giao đất không cụ thể, có sự chồng lấn. Nên việc ông O khởi kiện ông K, bà H lấn chiếm đất của ông trong khi ông chưa xác định được mốc giới của nhà ông từ đâu đến đâu, mà chỉ căn cứ trên sơ đồ mặt bằng quy hoạch là không có cơ sở. Do đó Toà án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo cho ông O là đúng quy định của pháp luật. Dành quyền cho ông O có quyền khởi kiện cơ quan quản lý nhà nước về đất đai bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông O, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn O, Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của là Toà án nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá.

[2.4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Trần Văn O không được chấp nhận, nhưng do ông Trần Văn O là người cao tuổi, nên miễn án phí dân sự phúc thẩm ông O.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn O, Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của là Toà án nhân dân khu vực 5 – Thanh Hoá.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn O.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND khu vực 5- Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Lâm